TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2023/KDTM-PT
Ngày 12-9-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng Mua bán hàng hoá"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Duyến-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga-Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá"*

Do Bản án số 04/2023/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã C bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2023/QĐPT-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn :* **Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) H**

Có trụ sở tại địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Quang T**, chức vụ: Giám đốc "vắng mặt"

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho ông **Vương Đức Th**, sinh năm 1986

Nơi cư trú tại địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương "có mặt"

-*Bị đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) S**

Có trụ sở tại địa chỉ: Lô A1, khu công nghiệp C 1, khu phố 2, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Abby Rafieha**, chức vụ: Giám đốc "vắng mặt"

Uỷ quyền tham gia tố tụng cho bà **Võ Mộng Th**, sinh năm 1982

Nơi cư trú tại địa chỉ: Căn nhà HT15, ô F8, F9, khu liên hợp công nghiệp dịch vụ đô thị, phường Phú Hoà, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương "có đơn xét xử vắng mặt"

- *Người kháng cáo:* Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 nguyên đơn Công ty TNHH H và bị đơn Công ty TNHH MTV S có thoả thuận ký kết Hợp đồng Nguyên tắc số (N): 01.2020/HĐ-HGYB về việc nguyên đơn cung ứng gỗ ván ép các loại cho bị đơn theo đúng tiêu chuẩn của bị đơn yêu cầu. Quá trình thực hiện Hợp đồng Nguyên tắc trên và căn cứ theo yêu cầu đặt hàng từ bị đơn, nguyên đơn đã giao cho bị đơn số lượng hàng hóa có tổng giá trị là 3.118.981.437 đồng (đã bao gồm 10% VA) và cũng đã xuất tổng cộng 12 hóa đơn VAT có giá trị tương đương. Theo Điều 4 của Hợp đồng Nguyên tắc thì thời hạn thanh toán là 30-45 ngày kể từ ngày nhận hàng. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn thanh toán, bị đơn mới chỉ thanh toán được số tiền là 2.087.422.932 đồng nên còn nợ lại tổng số tiền là 1.031.558.502 đồng, cụ thể được chứng minh qua các hoá đơn giá trị gia tăng (HĐGTGT) sau đây: Số tiền 190.184.952 đồng theo HĐGTGT số 0000135 ngày 09/10/2020; số tiền 197.794.146 đồng theo HĐGTGT số 0000145 ngày 26/10/2020; số tiền 163.920.246 đồng theo HĐGTGT số 0000147 ngày 29/10/2020; số tiền 185.651.158 đồng theo HĐGTGT số 0000154 ngày 04/11/2020; số tiền 115.368.000 đồng theo HĐGTGT số 0000156 ngày 15/11/2020; số tiền 178.640.000 đồng theo HĐGTGT số 0000162 ngày 27/11/2020. Do bị đơn chây ì không chịu thanh toán nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ gốc là 1.031.558.502 đồng và tổng tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn 1%/tháng kể từ thời điểm và số tiền của từng hoá đơn giá trị gia tăng (HĐGTGT) thu thập được ở trên đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2023 là 417.509.449 đồng.

Về phía bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn và thừa nhận bị đơn còn nợ của nguyên đơn nợ tiền gốc là 1.031.558.502 đồng, nhưng do tình hình kinh doanh của bị đơn đang gặp nhiều khó khăn nên bị đơn chưa thể thanh toán ngay cho nguyên đơn số tiền nợ gốc được và bị đơn đề nghị nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chậm trả mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Tại Bản án số 04/2023/KDTM- ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã C đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H, buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn H số tiền 1.031.558.502 đồng nợ gốc và 417.509.449 đồng nợ lãi. Ngoài ra còn quyết định về án phí, biện pháp đảm bảo thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, bị đơn có đơn kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm xét xử không đúng bản chất vụ án nên yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của bị đơn theo thủ tục phúc thẩm thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn có đơn đề nghị xét xử phúc thẩm vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng: Bị đơn Công ty TNHH MTV S đã thừa nhận còn nợ của nguyên đơn Công ty TNHH H số tiền nợ gốc 1.031.558.502 đồng nên đây là sự thật mà không cần phải chứng minh. Đối với tiền lãi chậm thanh toán, Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào thời điểm và số tiền của từng hoá đơn giá trị gia tăng thu thập được để tính tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2023 thành tổng số tiền 417.509.449 đồng là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.031.558.502 đồng nợ gốc và số tiền 417.509.449 đồng nợ lãi là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa đề nghị không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng đã nộp; còn bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHHMTV S,

Giữ nguyên Bản án số 04/2023/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Phước.

2. Căn cứ khoản 1, 8 Điều 3, các điều 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H,

Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H tổng số tiền 1.449.067.951 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 1.031.558.502 đồng và số tiền lãi là 417.509.449 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn H không phải nộp và được trả lại số tiền tạm ứng đã nộp là 33.874.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012126 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi Hành án Dân sự thị xã C. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải nộp 55.472.039 đồng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên S phải nộp 02 triệu đồng, được khấu trừ tạm ứng 02 triệu đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012351 ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi Hành án Dân sự thị xã C.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân thị xã C;
- Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TKT-LĐ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân